

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH
TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 20/6/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Đức

- Ông Trừ Trung Tín

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: số B Hồ H, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: tổ 19, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Lệ M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 15/12/2023 nguyên đơn Phạm Thanh H trình bày:

Ngày 28/12/2021 ông cho bà Phan Thị Lệ M vay số tiền 150.000.000 đồng, không có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 28/12/2021 đến 28/02/2022. Mục đích vay tiền để làm ăn. Cùng ngày 28/12/2021 ông đã giao cho bà M đủ số tiền trên. Khi nhận tiền bà M có viết Biên nhận mượn tiền giao cho ông giữ. Tuy nhiên, đến nay khoản vay trên đã hết hạn nhưng bà M vẫn chưa trả cho ông, ông đã nhiều lần nhắc nhở bà M trả nợ nhưng bà M không thực hiện. Do đó, ông yêu cầu giải quyết buộc bà Phan Thị Lệ M có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn

vay là 150.000.000 đồng, ông không yêu cầu bà M lãi. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác

Tại phiên tòa

- Ông Phạm Thanh H trình bày: Ông yêu cầu bà Phan Thị Lê M trả cho ông số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, ông không yêu cầu bà M trả lãi. Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên việc gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS (*Thông báo thụ lý vụ án vào ngày 22/01/2024 đến ngày 23/02/2024 mới gửi cho đương sự*).

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định, bị đơn thì chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*không cung cấp ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Tòa án tổ chức vào ngày 29/02/2024, ngày 20/3/2024; phiên tòa ngày 04/6/2024 và ngày 20/6/2024*)

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh H. Buộc bị đơn bà Phan Thị Lê M phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh H số tiền là 150.000.000đ.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Phan Thị Lê M nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000đ. Hoàn trả cho anh Phạm Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân theo biên lai thu số 0013289 ngày 22/01/2024

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Phạm Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Lê M trả cho ông H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, bị đơn cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa bị đơn Phan Thị Lê M đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Hội

đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

Ông Phạm Thanh H yêu cầu bà Phan Thị Lệ M trả cho ông H số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông H có giao nộp chứng cứ là 01 Biên nhận mượn tiền đề ngày 28/12/2021 có chữ ký của bà M với nội dung bà M có nhận của ông H số tiền 150.000.000 đồng, sự việc này phù hợp với lời trình bày của ông Trần Văn Đ (chồng của bà M) tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2024 là bà M có nợ ông H số tiền 150.000.000 đồng và ông H có nhiều lần đến nhà đòi nợ bà M.

Đối với bà Phan Thị Lệ M theo kết quả xác minh về sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú thì bà M có đăng ký thường trú tại tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và hiện có mặt tại địa phương (theo *Phiếu trả lời xác minh số 52/TLYCXM ngày 15/12/2023 của Công an xã Tân Bình*) (BL 06). Tuy nhiên, hiện nay bà M thường xuyên sinh sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo lời trình bày của ông Trần Văn Đ (chồng của bà M) tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2024 và thực tế bà M đã trực tiếp nhận văn bản tố tụng tại địa chỉ này nhưng bà M không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, cũng như không giao nộp văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu của ông Phạm Thanh H cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án là cố tình vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh H là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc bị đơn Phan Thị Lệ M có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền bị đơn phải nộp là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh H

Buộc bà Phan Thị Lệ M có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh H số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Thị Lệ M nộp 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Phạm Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo lai thu số 0013289 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận: - Đương sự: 02b - VKSND huyện Bình Tân: 01b; - CCTHADS huyện Bình Tân: 01b; - TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b - Lưu hồ sơ vụ án: 01b	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ (Đã ký) Huỳnh Ngọc Sương
---	---

